TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 9 - 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

- Thư ký phiên toà: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số 5152023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà NTKC, sinh năm 1985; thường trú: Ấp NH, xã BT, huyện TS, tỉnh A; tạm trú: 1/36A tổ 6 khu phố HL2, phường TG, thành phố T, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông NTT, sinh năm 1985; thường trú: Tổ 22, ấp BA2, xã AN, huyện CT, tỉnh A; tạm trú: 1/36A tổ 6 khu phố HL2, phường TG, thành phố TA, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2023, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà NTKCtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông NTT tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 02 tháng 7 năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn số 41. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông T suốt ngày cờ bạc, đánh đập vợ và con cái, lấy cắp đồ đạc trong nhà đem đi cầm cố để chơi bài, khi bà không chịu đi vay tiền cho ông T đi chơi bài thì vứt tập sách của các con, đập phá đồ đạc trong nhà. Nay bà NTKC xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với ông NNTT.

Về con chung: Có 03 con chung tên NBN, sinh ngày 29/4/2008, NNMT, sinh ngày 13/6/2012 và NĐK, sinh ngày 15/11/2014. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung NBN, NĐK, NNMT, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

và đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông NTT không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông NTTđang cư trú và sống tại địa chỉ tại địa chỉ 1/36A tổ 6 khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình tố tụng ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, bà Cúc có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 02 tháng 7 năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn số 41, do đó hôn nhân của bà C và ông T là hợp pháp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông Tài suốt ngày cờ bạc, đánh đập vợ và con cái, lấy cắp đồ đạc trong nhà đem đi cầm cố để chơi bài, khi bà không chịu đi vay tiền cho ông T đi chơi bài thì vứt tập sách của các con, đập phá đồ đạc trong nhà. Ông T không có văn bản trình bày ý kiến xem như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng địa phương không rõ. Các con chung trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T hay đi đánh bài về nhà thường đánh đập và chửi bới vợ con, ngoài ra ông T hay lấy tài sản là điện thoại của các con và bà C đi cầm để đánh bài. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C về việc ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 con chung tên NBN, sinh ngày 29/4/2008, NNMT, sinh ngày 13/6/2012 và NĐK, sinh ngày 15/11/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung NBN, sinh ngày 29/4/2008, NNMT sinh ngày 13/6/2012 và NĐK, sinh ngày 15/11/2014, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng, các cháu NBB, NNMT và NĐK đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét giao 03 con chung cho bà C được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, bà C không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTKCđối với bị đơn ông NTT

- Về quan hệ hôn nhân: Bà NTKCđược ly hôn với ông NTT

- Về con chung: Giao con chung NBN, sinh ngày 29/4/2008, NNMT, sinh ngày 13/6/2012 và NĐK, sinh ngày 15/11/2014 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, bà C không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà NTKC phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004590 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS tp Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhâm